TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 10 - 2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Khải
2. Ông Lê Trọng Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện R mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2019/HNGĐ-ST ngày 20-5-2019 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-9-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-9-2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1987 (có mặt).

2/ Bị đơn: Anh Ngô Mạnh T, sinh năm: 1985 (vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Tổ 2, thôn H, xã N, huyện R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Ngô Mạnh T tự nguyện sống chung với nhau và có tổ chức đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Do vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hiện tại hai người đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thắng.

Về việc nuôi con: Anh, chị 03 người con chung tên: Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 2004, Ngô Mạnh T, sinh năm 2009 và Ngô Thị Anh K, sinh năm 2015. Khi ly hôn, anh chị tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 31-5-2019, anh Ngô Mạnh T trình bày:

Anh Ngô Mạnh T và chị Nguyễn Thị Q tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn ngày 30-3-2004. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng sống không hợp nhau, nên hay cải vã, anh T có đánh chị Q. Tuy nhiên, anh T vẫn thương vợ con, không muốn ly hôn. Do không muốn ly hôn, nên việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, cải vạ và xô xát nhau. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng không phối hợp hòa giải, mặt khác anh chị cũng đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó đề nghị cho chị Q được ly hôn với anh Thắng.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung của anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn", bị đơn anh Ngô Mạnh T hiện cư trú tại thôn H, xã N, huyện R, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Ngô Mạnh T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T nhiều lần, như: Thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử…nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do; mặt khác bị đơn anh T cũng đã trình bày ý kiến, quan điểm của mình. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, cãi vã và xô xát nhau. Xét thấy, chị Q và anh T sống chung với nhau từ năm 2004, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị cho rằng do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc (điều này phù hợp với biên bản xác minh của tòa án ngày 24-7-2019 tại chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống). Mặc dù anh T cho rằng mình vẫn còn thương vợ con và không muốn ly hôn. Do đó, tòa án đã kiên trì triệu tập đương sụ đến tòa để hòa giải nhưng anh T không hợp tác, mặt khác hiện nay đã sống ly thân với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Q là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con: Anh, chị tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q về việc "Ly hôn".

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Ngô Mạnh T.

2/ Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 027055 ngày 20-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Chị Quyên đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Ngô Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện R;*
- *CC THA DS huyện R;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Văn Dương